

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27/2022/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 7 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi, mức chi và phân bổ
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2202/TTr-SNNPTNT-TL ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 79/BC-STP ngày 31 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi, mức chi và phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà

nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức kinh tế trong nước, nước ngoài đang sinh sống, hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chi tiết nội dung chi, mức chi và phân bổ
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi**
(Kèm theo Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 7/7/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết nội dung chi, mức chi và phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là Quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung chi, mức chi

1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

a) Hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, hỗ trợ thực phẩm, nước uống cho người dân tại các nơi sơ tán tập trung: Mức chi 50.000 đồng/người/ngày.

b) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai (không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước): Mức chi 120.000 đồng/người/ngày, nếu thực hiện nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau thì được tính gấp đôi.

c) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực, trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: Mức chi 80.000 đồng/người/ngày.

2. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Mức chi 15 kg gạo người/tháng, thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng.

b) Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh cho người dân bị thiệt hại nặng do thiên tai gây ra: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày và không

quá 5 ngày/đợt thiên tai.

c) Hỗ trợ về sách vở, phương tiện học tập cho học sinh bị thiệt hại do thiên tai: Mức chi 200.000 đồng/học sinh.

d) Hỗ trợ nhà ở bị thiệt hại do thiên tai

- Nhà ở bị thiệt hại hoàn toàn (trên 70%): Mức chi 40.000.000 đồng/nhà.

- Nhà ở bị thiệt hại rất nặng (trên 50% - 70%): Mức chi 20.000.000 đồng/nhà.

- Nhà ở bị thiệt hại nặng (từ 30% - 50%): Mức chi 15.000.000 đồng/nhà.

đ) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi 10.000.000 đồng/xã/đợt thiên tai.

e) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai:

- Diện tích lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 2.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 20.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 10.000.000 đồng/ha;

- Diện tích lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 3.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 1.500.000 đồng/ha;

- Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 30.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 15.000.000 đồng/ha;

- Diện tích ngô và rau màu các loại bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 2.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 4.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 2.000.000 đồng/ha;

- Diện tích tỏi bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 30.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 15.000.000 đồng/ha;

- Diện tích hành bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 20.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 10.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây lấy củ có chất bột, cây có chứa dầu và cây lấy sợi bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 2.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 1.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây hoa, cây cảnh (không trồng trong chậu) bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 2.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 1.000.000 đồng/ha;

- Cây hoa, cây cảnh trồng trong chậu đường kính chậu trên 80cm bị thiệt hại mức chi 80.000 đồng/chậu; đường kính chậu từ trên 50 - 80cm bị thiệt hại

mức chi 40.000 đồng/chậu; đường kính chậu từ 10cm - 50 cm bị thiệt hại mức chi 5.000 đồng/chậu.

- Diện tích cây trồng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 4.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 2.000.000 đồng/ha;

- Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 40.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, mức chi 20.000.000 đồng/ha.

- Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, mức chi 15.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, mức chi 28.000 đồng/con;

- Lợn đến 28 ngày tuổi, mức chi 350.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, mức chi 750.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, mức chi 2.000.000 đồng/con;

- Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, mức chi 2.000.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, mức chi 6.500.000 đồng/con;

- Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, mức chi 1.300.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, mức chi 4.000.000 đồng/con;

- Hươu, nai, cừu, dê mức chi 2.000.000 đồng/con;

- Chim cút đến 28 ngày tuổi, mức chi 3.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, mức chi 5.000 đồng/con;

- Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 5.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 8.500.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái tôm rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 3.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 5.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 5.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 7.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 15.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 25.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 30.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 50.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi cá tra thâm canh bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 15.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 25.000.000 đồng/ha;

- Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại từ 30 - 70% mức chi 5.000.000 đồng/100m³ lồng; bị thiệt hại hơn 70% mức chi 8.500.000 đồng/100m³ lồng;

- Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 15.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 25.000.000 đồng/ha;

- Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 25.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 43.000.000 đồng/ha;

- Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (xa bờ, ven đảo) bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 13.000.000 đồng/100m³ lồng; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 18.000.000 đồng/100m³ lồng;

- Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác bị thiệt hại từ 30 - 70%, mức chi 3.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại hơn 70%, mức chi 5.000.000 đồng/ha.

- Hỗ trợ đối với đất bị sa bồi, thủy phá: Diện tích đất sản xuất bị sa bồi với độ dày trung bình của đất sa bồi từ 15 cm đến 30 cm: mức chi 5 triệu đồng/ha; Diện tích đất sản xuất bị sa bồi với độ dày trung bình của đất sa bồi trên 30 cm: mức chi 10 triệu đồng/ha.

g) Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai gồm: cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Mức chi tối đa không quá 500.000.000 đồng/công trình/hạng mục.

h) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những tuyến giao thông bị sạt lở; hỗ trợ tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức chi tối đa không quá 03 tỷ đồng/công trình.

3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Mức chi tại cấp tỉnh: 100.000.000 đồng/năm, cấp huyện: 30.000.000 đồng/năm, cấp xã: 10.000.000 đồng/năm.

b) Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi tại cấp tỉnh: 50.000.000 đồng/ kế hoạch, phương án; cấp huyện: 20.000.000 đồng/kế hoạch, phương án; cấp xã: 10.000.000 đồng/kế hoạch, phương án.

c) Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm (di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cấp có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai): Mức chi 30.000.000 đồng/nhà.

d) Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp địa phương và cộng đồng: Mức chi tại cấp tỉnh: 12.000.000 đồng/lớp/ngày; cấp huyện: 10.000.000 đồng/lớp/ngày; cấp xã: 8.000.000 đồng/lớp/ngày.

đ) Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi tại cấp tỉnh: 200.000.000 đồng/đợt; cấp huyện: 100.000.000 đồng/đợt; cấp xã: 50.000.000

đồng/đợt.

e) Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi 100.000 đồng/người/năm.

g) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Mức chi 500.000.000 đồng/năm/địa phương, đơn vị.

Điều 4. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh cho UBND cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20%. Số tiền thu quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và các xã khu vực III, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã bằng số tiền của cấp xã (trừ các xã nêu trên) được phân bổ thấp nhất.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện được giữ lại 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20% và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3%. Số tiền còn lại (77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ.

3. Phân bổ nguồn kinh phí cấp huyện, cấp xã giữ lại khi đã sử dụng và thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư.

a) Chậm nhất ngày 15/01 năm sau, UBND cấp xã nộp báo cáo quyết toán kinh phí giữ lại về UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí giữ lại của UBND cấp xã và của cấp mình nộp về Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 31/01 năm sau.

b) Căn cứ vào báo cáo quyết toán của UBND cấp huyện và chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ, Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt trước 30/3 năm sau và quyết định thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí cấp huyện, cấp xã giữ lại đã sử dụng hết.

Điều 5. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ là 3% tổng số thu Quỹ của tỉnh, dùng để chi cho các nội dung sau:

1. Chi cho Cơ quan thuế theo dự toán chi tiết được duyệt nhưng không

quá 1% trên tổng số thu của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài nộp Quỹ trong năm do Cục Thuế tỉnh và Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực đơn đốc thu quỹ; nội dung chi phí phục vụ cho công tác triển khai xây dựng kế hoạch thu Quỹ và đơn đốc nộp Quỹ.

2. Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ: Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Chi phí hành chính phát sinh của Quỹ: Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Phê duyệt dự toán, tạm ứng, thanh toán chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ

1. Phê duyệt dự toán: Cơ quan quản lý Quỹ chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh lập và phê duyệt dự toán chi tiết chi cho các nội dung được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 5 Quy định này trước ngày 30/4 hàng năm.

2. Tạm ứng và thanh quyết toán

a) Căn cứ dự toán nguồn kinh phí chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ được phê duyệt, Cơ quan quản lý Quỹ tạm ứng kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo tiến độ và kết quả thu Quỹ.

b) Chậm nhất đến ngày 31/01 năm sau, Cục Thuế tỉnh nộp báo cáo quyết toán kinh phí chi cho công tác liên quan đến việc triển khai, đơn đốc thu nộp Quỹ về Cơ quan quản lý Quỹ để tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí chi phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh)

a) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ngành liên quan và Cơ quan quản lý Quỹ kiểm tra, rà soát, thống kê, tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình cấp thẩm quyền xem xét hỗ trợ kinh phí.

b) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nội dung chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo đúng quy định.

c) Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo Cơ quan quản lý Quỹ, các địa phương thực hiện công tác quản lý và sử dụng quỹ theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan quản lý Quỹ thẩm tra báo cáo quyết toán Quỹ và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

a) Tổ chức hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ đúng Quy định này, Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật liên quan; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo công tác lập kế hoạch thu, chi Quỹ theo quy định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu, chi và thông báo kế hoạch thu, chi Quỹ hàng năm.

b) Thực hiện công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với các địa phương, cơ quan, tổ chức đóng góp quỹ; công khai báo cáo quyết toán thu, chi quỹ theo địa bàn cấp huyện theo đúng quy định.

c) Báo cáo kết quả thu, chi quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng; lập báo cáo quyết toán hàng năm của Quỹ theo đúng quy định.

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thu, chi Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

4. Cục Thuế tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm a, b Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

b) Cục Thuế tỉnh phối hợp, chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực có biện pháp hỗ trợ thu quỹ đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài chậm hoặc không nộp quỹ theo quy định.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thuế, UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi trong việc cung cấp thông tin liên quan đến các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý để hỗ trợ công tác lập kế hoạch thu và công tác thu quỹ hàng năm.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thu, nộp quỹ và quản lý, sử dụng kinh phí Quỹ phòng, chống thiên tai đúng Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan,

đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
